

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/HSST
Ngày: 10-12-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan
2. Ông Nguyễn Văn Thạch

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Võ Chí Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 08/2024/TLST – HS ngày 08-10-2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST – HS ngày 23-10-2024, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 08/TB-TA ngày 01-11-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 45/HSST-QĐ ngày 20-11-2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Lê Xuân K, sinh ngày 13-8-1991 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông Lê Xuân P (chết) và bà Nguyễn Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 01-7-2008 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 45 tháng tù về tội “Phá hủy công trình, phương tiện quan trọng về an ninh quốc gia”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28-8-2010.

- Ngày 13-12-2023 bị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 05-7-2024 bị Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Tổng hợp với hình phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 98/2023/HSST ngày 13-12-2023 của Tòa án

nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 02 năm 9 tháng tù.

- Ngày 09-8-2024 bị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 9 tháng tù tại Bản án số 18/2024/HSST ngày 05-7-2024 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 năm 9 tháng tù.

- Ngày 18-11-2023 bị Công an huyện S khởi tố về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18-7-2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Họ và tên: Tiêu N, sinh ngày 04-3-1984 tại tỉnh Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, nghề nghiệp: Không; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 5/12; con ông Tiêu T và bà Ao Thị D; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 31-5-2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 05 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” được đặc xá tha tù ngày 17-01-2009.

- Ngày 08-4-2010 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 84 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29-10-2014.

- Ngày 11-7-2024 bị Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 02 năm 3 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt của hai tội là 02 năm 09 tháng tù.

- Ngày 09-8-2024 bị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị bắt tạm giữ, tạm giam trong vụ án khác (vụ Trộm cắp tài sản và Sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức) từ ngày 30-8-2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Bị hại:

- Ông Quảng Trọng H, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Xóm C, thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Hồng K1, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông Lê Văn B1, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Đỗ Hữu S, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông Trần Quốc T1, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Đ, thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Tấn V, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thanh D1, sinh năm 2004. Nơi cư trú: Khu dân cư S, thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Trương Thị Hồng N1, sinh năm 1998. Nơi cư trú: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông Lê Nhân T2, sinh năm 1995. Nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Hà Thị L, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Số F đường L, tổ F, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Bà Trương Thị Lệ H1, sinh năm 1956. Nơi cư trú: Thôn B, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Minh T3, sinh năm 2001. Nơi cư trú: Tổ E, thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người làm chứng:

- Ông Dương Thành L1, sinh năm 2000. Nơi cư trú: Xóm H, thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông Lê Văn C, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Thành N2, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Ông Trương Quang T4, sinh năm 1999. Nơi cư trú: Khu dân cư S, thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông Dương Hồng S1, sinh năm 1996. Nơi cư trú: Xóm C, thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Xuân K và Tiêu Nhất là bạn bè với nhau, cả hai đều không có nghề nghiệp, thường hay trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài, từ ngày 30-6-2023 đến 14-7-2023 Lê Xuân K đã 3 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, trong đó có 1 lần thực hiện cùng với Tiêu N, cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 30/6/2023, Lê Xuân K đang ở nhà thì nảy sinh ý định đi tìm xe mô tô để trộm cắp nên đã chuẩn bị một thanh đoản (dụng cụ mở

phá khóa) có sẵn tại nhà mình rồi điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Jupiter, màu sơn Đỏ, mang biển số 76V2 – 5336 đi đến vùng biển các xã K huyện B để tìm kiếm các xe mô tô để dọc ven bờ biển nhằm trộm cắp. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, K một mình đi đến biển Vĩnh V, thuộc thôn L, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi thì phát hiện thấy có một số xe mô tô để trên bờ kè tại đây nên đem xe 76V2 – 5336 đi cất giấu rồi đi bộ đến lén lút tiếp cận xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn Cam – Đen, biển số 76C1 – 528.35 của anh Nguyễn Hồng K1 để tại đây từ khoảng 18 giờ cùng ngày để đi tắm biển, K dùng đoạn bẻ khóa, lấy trộm xe mô tô này rồi khỏi hiện trường. Kể sử dụng xe mô tô 76C1 – 528.35 một thời gian sau thì bán lại cho Trần Quốc T1 với số tiền 4.000.000 đồng, tuy nhiên T1 xác định không mua xe Sirius, màu sơn C – Đen, biển số 76C1 – 528.35 từ K nên không thu hồi được xe mô tô này. Đối với xe mô tô 76V2 – 5336 do Lê Xuân K bỏ lại gần hiện trường, Lê Xuân K sợ bị phát hiện nếu quay lại lấy xe này nên bỏ luôn xe và được Công an xã B phát hiện, tạm giữ vào ngày 06/7/2023, sau đó bàn giao cho Cơ quan CSĐT Công an huyện.

Đến khoảng 23 giờ 30 cùng ngày, Nguyễn Hồng K1 phát hiện xe bị mất trộm nên tìm kiếm nhưng không tìm được xe, đến ngày 19/7/2023, Nguyễn Hồng K1 trình báo và được Công an xã B tiếp nhận, chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B.

Căn cứ giấy đăng ký xe và các tài liệu liên quan và tham khảo giá thị trường, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B định giá, kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu cam – đen, số máy E3X9E542476, số khung 3240JY202019, gắn biển số 76C1 – 528.35 tại thời điểm Lê Xuân K trộm cắp nói trên trị giá: **18.400.000 đồng.**

Lần thứ hai: Khoảng 15 giờ ngày 12/7/2023, Dương Thành L1 điều khiển xe mô tô Exciter, màu sơn Xanh – Xám – Đen, gắn biển số 76C1 – 642.46 của anh Quảng Trọng H chở Quảng Trọng H đi cùng một số bạn bè đến đập nước tại thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, để xe ở ven đường, sát rừng keo rồi cùng nhau xuống mép nước dưới đập để câu cá. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, anh Dương Thành L1 cùng bạn đi về trước (còn anh Quảng Trọng H ở lại tiếp tục câu cá cùng một số bạn bè) nên anh L1 để lại chìa khóa xe 76C1 – 642.46 của anh H trên xe. Khoảng 18 giờ cùng ngày, Lê Xuân K một mình điều khiển xe mô tô Exciter, màu sơn Xanh, gắn biển số 92N1 – 204.68 (xe được Lê Xuân K trộm cắp trước đó tại huyện N, tỉnh Quảng Nam) mang dụng cụ câu cá đến đập nước tại thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để câu cá. Khi đến nơi, Lê Xuân K phát hiện thấy xe mô tô 76C1 – 642.46 của anh Quảng Trọng H đang dựng ven đường cùng 01 xe mô tô khác nhưng xe 76C1 – 642.46 có gắn sẵn chìa khóa trên xe nên Lê Xuân K nảy sinh ý định trộm cắp xe 76C1 – 642.46. Lê Xuân K đã bỏ lại xe 92N1 – 204.68 tại hiện trường, sau đó dùng dây sạc điện thoại mang theo trên người để cột, khóa xe mô tô bên cạnh xe 76C1 – 642.46 nhằm phòng ngừa, ngăn chặn việc nhóm người Quảng Trọng H phát hiện, truy đuổi mình; rồi Lê Xuân K bật chìa khóa xe 76C1 – 642.46, dắt bộ một đoạn khoảng 500m thì khởi động xe nhưng không được thì nghi vấn xe có lắp đặt thêm khóa an toàn nên Lê Xuân K đem xe này cất giấu trong rừng keo. Sau đó, Lê

Xuân K quay lại hiện trường, điều khiển xe 92N1 – 204.68 mang theo bộ C2 quay về nhà mình cất bộ dụng cụ câu cá. Sau khi tra cứu trên mạng xã hội tìm hiểu về cách mở khóa an toàn xe Exciter đến sáng ngày 15/7/2023, Lê Xuân K điều khiển xe 92N1 – 204.68 quay lại nơi cất giấu xe 76C1 – 642.46 để tháo mở khóa an toàn của xe 76C1 – 642.46 rồi điều khiển xe này đến nhà Đỗ Hữu S – là người làm nghề sửa xe, đối với xe 92N1 – 204.68 thì K bỏ lại trong rừng keo gần đập nước thuộc thôn P 3 nói trên và dự kiến sẽ quay lại lấy xe ngày sau. Đến nhà S, mặc dù không có Sanh ở nhà nhưng Lê Xuân K vẫn đưa xe này vào nhà S rồi K sử dụng một số công cụ tại đây tháo, rả toàn bộ xe 76C1 – 642.46 trộm cắp được, cà và tẩy xóa số khung, số máy của xe, đập đục biến số xe 76C1 – 642.46 tạo thành biến số 76C1 – 632.26, nhằm thay đổi đặc điểm của xe. Quá trình tháo, rả xe thì Lê Xuân K phát hiện trong cốp xe có 01 bọc nhựa nên lấy ra kiểm tra thì thấy có 01 thẻ nhân viên Công ty K2, 01 thẻ ATM ngân hàng S2 đều có tên Quảng Trọng H nên Lê Xuân K cất vào trong người. Đến khi trời tối, Lê Xuân K vẫn đang thực hiện việc thay đổi đặc điểm xe vừa trộm được thì Đỗ Hữu S về, S thấy K đang sửa xe nên nói K làm nhanh rồi nghỉ chứ khuya mẹ S la nên Lê Xuân K không làm nữa mà để lại toàn bộ xe Exciter đã tháo rời và các phụ tùng xe này tại nhà Đỗ Hữu S rồi một mình điều khiển xe mô tô hiệu yamaha, loại Sirius, màu sơn Đen, gắn biển số 76AB – 005.09 (cũng là một xe khác được Lê Xuân K trộm cắp trước đó, đã được thay đổi đặc điểm màu sơn xe, tẩy xóa số khung, số máy và gắn thay biển số 76AB – 005.09) được Lê Xuân K để tại nhà Đỗ Hữu S từ trước để về nhà trọ của Tiêu N thuê ở xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi chơi cùng một số bạn bè tại đây. Sau đó, Lê Xuân K về nhà mình tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi thì vứt bọc nhựa thẻ nhân viên Công ty K2 và thẻ ATM ngân hàng S2 có tên Quảng Trọng H nói trên ở nhà mình rồi tiếp tục đi chơi.

Đến khoảng 20 giờ 30 ngày 12/7/2023, Dương Thành L1 quay lại cùng nhóm Quảng Trọng H để tiếp tục câu cá phát hiện xe Exciter 76C1 – 642.46 của Quảng Trọng H bị mất trộm nên đã cùng nhau tìm kiếm nhưng không tìm thấy xe, đến ngày 17/7/2023 Quảng Trọng H đến trình báo và được Công an xã B tiếp nhận nguồn tin, tổ chức kiểm tra hiện trường nơi xảy ra sự việc và đồng thời báo cáo, chuyển hồ sơ nguồn tin nói trên đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tổ chức xác minh truy xét và thu hồi được xe mô tô của Quảng Trọng H nhưng đã bị tháo rời một số thiết bị và thay đổi màu sơn.

Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B định giá và kết luận: Xe mô tô loại Yamaha, loại Exciter, màu sơn X – Đen- Cam (đã được thay đổi màu Xanh – X – Đen) gắn biển số 76C1 – 642.46 bị Lê Xuân K trộm cắp nói trên trị giá **34.200.000 đồng**.

Lần thứ ba: Khoảng 17 giờ ngày 14/7/2023, Lê Xuân K điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn Xanh, gắn biển số 92N1 – 204.68 (là xe do Lê Xuân K cùng Tiêu Nhất trộm cắp được trước đó tại huyện N, tỉnh Quảng Nam chở Tiêu N ngồi giữa và Nguyễn Thanh D1 ngồi sau cùng đi đến biển Khe 2, thuộc thôn P, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi chơi, khi đến nơi Nguyễn Thanh D1 một mình điều khiển xe 92N1 – 204.68 quay về trước, còn Lê Xuân K và Tiêu N đi bộ xuống

khu vực bãi biển. Trong lúc đi dạo trên bãi biển, Lê Xuân K phát hiện xe mô tô hiệu Yamaha, loại sirius, màu sơn Trắng – Xanh, biển số 76C1 – 155.70 của Lê Văn B1 dựng tại đây cùng nhiều xe mô tô khác để đi tắm biển thì Lê Xuân K đã trực tiếp dùng đoản, bẻ khóa xe 76C1 – 155.70, sau khi bẻ được khóa xe thì Lê Xuân K ra hiệu cho Tiêu N cùng ngồi lên xe và K điều khiển xe này chở Tiêu N về nhà trọ của N tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, tại nhà trọ này K dùng dụng cụ có sẵn tại phòng trọ, chà đục số khung, số máy, xong K để xe này tại đây rồi về lại nhà tại xã B, sau đó xe của Trương Thị Hồng N1 – chung sống như vợ chồng với Tiêu N bị hư hỏng, N1 gọi điện thoại hỏi mượn xe nên Lê Xuân K và Tiêu N cho Trương Thị Hồng N1 mượn xe mô tô 76C1 – 155.70.

Đến khoảng 18 giờ 25 phút cùng ngày, Lê Văn B1 phát hiện xe bị mất trộm nên tổ chức tìm kiếm nhưng không tìm được xe, ngày 17/7/2023 Lê Văn B1 đến trình báo và được Công an xã B tiếp nhận, chuyển đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B. Sau khi tổ chức xác minh truy xét thu hồi được xe mô tô của Lê Văn B1 nhưng đã bị thay đổi màu sơn.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B định giá và kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha, loại sirius, màu sơn T5 – Đen (được thay đổi màu sơn Trắng-X), số khung C6H0DY014965, số máy 5C6H014963, gắn biển số 76C1 – 155.70 Lê Xuân K trộm cắp nói trên trị giá: **9.000.000 đồng**.

Như vậy, tổng giá trị tài sản mà **Lê Xuân K** trộm cắp 3 lần nêu trên là **61.600.000 đồng**, trong đó 01 lần trộm cắp tại xã B cùng với **Tiêu Nhất** giá trị tài sản là **9.000.000 đồng**.

Tại Cáo trạng số 144/CT-VKS ngày 04-10-2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn truy tố bị cáo Lê Xuân K về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Tiêu N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Lê Xuân K phạm tội “Trộm cắp tài sản”, căn cứ vào điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Xuân K từ 03 năm đến 03 năm 6 tháng tù.

Tuyên bố bị cáo Tiêu N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Tiêu N từ 01 năm đến 01 năm 6 tháng tù.

2. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 xe mô tô đã bị tháo rời phụ tùng xe, 01 biển số 76C1 – 632.26, một số phụ tùng các xe khác và một số đồ nghề là dụng cụ sửa xe thu giữ khi khám xét khẩn cấp nhà của Đỗ Hữu S, Cơ quan điều tra xác định:

+ Xe mô tô và phụ tùng của xe thu giữ này chính là xe Exciter của Quảng Trọng H bị mất trộm ngày 12/7/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ cho Quảng Trọng H, ông H không còn yêu cầu gì nên không đề nghị giải quyết.

+ Biển số 76C1 – 632.26 qua tra cứu xác định chủ sở hữu xe mang biển số này là Huỳnh Thị P1, sinh năm 1973, trú tại thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi nhưng qua xác minh, Huỳnh Thị P1 cho biết vẫn đang quản lý, sử dụng xe này và chưa từng bị mất trộm xe, chưa từng bị mất biển số 76C1 – 632.26; qua điều tra, bị can Lê Xuân K khai đã đập dẹp 02 chữ số của biển số xe 76C1 – 642.46 tạo thành biển số 76C1 – 632.26 nhưng Phòng K3 không giám định được biển số 76C1 – 632.26. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, xác minh để xử lý sau nên không đề nghị giải quyết.

+ Các phụ tùng các xe khác và một số đồ nghề là dụng cụ sửa xe là tài sản của Đỗ Hữu S, tuy Lê Xuân K đã sử dụng một số dụng cụ sửa xe để tháo rời xe Exciter trộm cắp của Quảng Trọng H nhưng Đỗ Hữu S không biết đây là xe do Lê Xuân K trộm cắp. Do đó, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Đỗ Hữu S, S không có yêu cầu gì nên không đề nghị giải quyết.

- Đối với 01 túi xách đựng 04 cần câu cá, 01 túi đựng giấy tờ của Quảng Trọng H, một mũ lưỡi trai màu trắng, một số giấy nhám đã qua sử dụng, một số mảnh kim loại hình chữ số, một бага xe thu giữ khi khám xét khẩn cấp nhà của Lê Xuân K, Cơ quan điều tra xác định:

+ Túi xách đựng cần câu là tài sản của Lê Nhân T2, Lê Xuân K mượn trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 12/7/2023 tại xã B và việc Lê Xuân K mang túi xách đựng cần câu này khi trộm cắp xe mô tô thì Lê Nhân T2 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Lê Nhân T2, T2 không có yêu cầu gì nên không đề nghị giải quyết.

+ Túi đựng giấy tờ của Quảng Trọng H, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Quảng Trọng H, H không có yêu cầu gì nên không đề nghị giải quyết.

+ Mũ lưỡi trai màu trắng là tư trang của Lê Xuân K, K sử dụng khi thực hiện vụ trộm cắp tài sản ngày 14/7/2023 tại xã B; một số giấy nhám đã qua sử dụng và một số mảnh kim loại hình chữ số là công cụ, phương tiện Lê Xuân K chuẩn bị để chà số khung, số máy xe trộm cắp; các mảnh kim loại hình số là để dán chồng lên các biển số xe của các xe trộm cắp được để thay đổi đặc điểm xe trộm cắp tránh bị truy xét, điều tra, phát hiện các vật chứng này qua sử dụng đã cũ và 01 бага xe, là tài sản của Lê Xuân K, không liên quan đến các hành vi phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa Xét xử không yêu cầu nhận lại nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

- Đối với Giấy đăng ký xe số 004128 do Công an thành phố Q cấp ngày 11/01/2012 cho xe biển số 76U1 – 047.02 được tạm giữ từ Trương Thị Hồng N1, Cơ quan điều tra xác định: Đây là giấy thật. Kết quả tra cứu xác định xe 76U1 – 047.02 là của Lê Thành L2, sinh năm 1966, trú tại phường T, thành phố Q nhưng qua xác minh xác định Lê Thành L2 đã chết, bà Hà Thị L là vợ của Lê Thành L2 xác định gia đình vẫn đang quản lý, sử dụng xe mô tô 76U1 – 047.02 và chưa từng bị mất xe, chưa

từng bị mất biển số 76U1 – 047.02 nhưng đã từng bị mất Giấy đăng ký xe 76U1 – 047.02. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại Giấy đăng ký xe này cho bà Hà Thị L, bà L không có yêu cầu gì nên không đề nghị giải quyết.

- Đối với xe mô tô gắn biển số 76U1 – 047.02 được tạm giữ từ Trương Thị Hồng N1, Cơ quan điều tra xác định:

+ Xe mô tô thu giữ từ Trương Thị Hồng N1 là của Lê Văn B1 bị mất trộm ngày 14/7/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho Lê Văn B1, ông B1 không có yêu cầu gì nên không đề nghị giải quyết.

+ Biển số 76U1 – 047.02 gắn trên xe mô tô thu giữ từ Trương Thị Hồng N1, qua xác minh, bà Hà Thị L xác định đang quản lý, sử dụng và chưa từng bị mất biển số 76U1 – 047.02 nhưng Phòng K3 không giám định được biển số 76U1 – 047.02. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ, xác minh để xử lý sau.

- Đối với xe mô tô có số khung 5SD2-18405 và số máy 5SD2-18405, gắn biển số 76V2 – 5336 được Công an xã B phát hiện, tạm giữ tại biển L: Cơ quan điều tra xác định: Đây là xe do Lê Xuân K mượn của Đỗ Hữu S từ trước rồi sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản ngày 30/6/2023 tại thôn L, xã B; Đỗ Hữu S khai xe này được S mua lại từ lâu nhưng không sang tên nên thuộc sở hữu của Đỗ Hữu S, việc Lê Xuân K sử dụng xe này vào việc trộm cắp thì Đỗ Hữu S không biết. Kết quả giám định, kết luận số khung, số máy của xe này là chữ số nguyên thủy của xe; qua tra cứu xác định, chủ sở hữu là Trương Thị Lệ H1, trú tại thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi. Trương Thị Lệ H1 khai đã bán xe này từ lâu nhưng không sang tên, không nhớ người mua là ai. Qua kiểm tra dữ liệu xe vật chứng thì không thuộc diện truy tìm hay vật chứng của vụ án, nguồn tin nào khác, nên đề nghị trả lại cho Đỗ Hữu S.

- Đối với xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám lông chuột, gắn biển số 92MĐ1 – 503.59 được tạm giữ từ T: Cơ quan điều tra xác định: Qua giám định kết luận: số khung, số máy bị tẩy xóa và qua giám định không hiện lại được số máy nguyên thủy của xe. Lê Xuân K thì xác định đây không phải xe Ké đã lấy trộm ngày 30/6/2023 tại biển Lệ Thủy rồi bán cho T1 và Nguyễn Hồng K1 cũng xác định đây không phải xe của K1 bị mất trộm ngày 30/6/2023 như đã khai báo. Kết quả tra cứu xác định, biển số 92MĐ1 – 503.59 là cấp cho xe máy điện, có chủ sở hữu là Nguyễn Minh T3, Nguyễn Minh T3 khai đã bán xe này từ lâu nhưng không sang tên, không nhớ người mua là ai. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ xe cùng biển số này, đề xác minh xử lý sau.

- Đối với xe mô tô loại Yamaha, loại Exciter, màu sơn Xanh, gắn biển số 92N1 – 204.68 do Lê Xuân K bỏ lại rừng keo ở xã B được Công an xã B phát hiện, tạm giữ bàn giao và xe mô tô hiệu yamaha, loại Sirius, màu sơn Đen, gắn biển số 76AB – 005.09 được Công an huyện S bàn giao. Cơ quan điều tra xác định: Các xe này là tang vật trong các vụ trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn huyện N, tỉnh Quảng Nam nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện đã bàn giao cho Công an huyện N, tỉnh Quảng Nam xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với dây sạc điện thoại Lê Xuân K sử dụng cột các xe để ở gần xe Q, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm được và đối với đoàn Lê Xuân K sử dụng để bẻ khóa trộm cắp xe 76C1 – 155.70 và xe 76C1 – 528.35 Lê Xuân K không xác định được vứt bỏ ở đâu nên không có căn cứ để truy tìm.

- Đối với biển số xe 76C1 – 155.70 của Lê Văn B1 bị Lê Xuân K tháo ra gỡ bỏ nhưng không xác định được vứt bỏ ở đâu và đối với xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn Cam – Đen, biển số 76C1 – 528.35 của Nguyễn Hồng K1 bị Lê Xuân K trộm cắp, Lê Xuân K khai bán cho Trần Quốc T1 nhưng T1 khai không mua xe Sirius, màu sơn C – Đen, biển số 76C1 – 528.35 từ K nên Cơ quan cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh và xử lý sau.

- Đối với số tiền 2.000.000 đồng bị cáo K tác động gia đình nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn để khắc phục hậu quả, đề nghị tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lê Văn B1 và Quảng Trọng H đã nhận lại tài sản và không còn yêu cầu gì về phần dân sự nên không đề nghị giải quyết.

Đối với bị hại Nguyễn Hồng K1, tài sản bị bị K trộm cắp là xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu cam – đen, số máy E3X9E542476, số khung 3240JY202019, gắn biển số 76C1 – 528.35 nhưng không thu hồi được nên K1 yêu cầu Lê Xuân K bồi thường cho K1 giá trị tài sản theo kết luận của Hội đồng định giá là 18.400.000 đồng, là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bị cáo K bồi thường giá trị tài sản đã trộm cắp cho bị hại K1.

4. Về các đối tượng liên quan:

Đối với Trương Thị Hồng N1 là người mượn xe sirius, màu sơn Trắng – Xanh, biển số 76C1 – 155.70 mà K và Nhất trộm của ông Lê Văn B1 và đối với Trần Quốc T1 là người mà K khai đã bán Sirius, màu sơn Cam – Đen, biển số 76C1 – 528.35 Ké trộm của Nguyễn Hồng K1: Kết quả điều tra xác định: Khi mượn xe Như không biết đây là xe trộm cắp, T1 không biết K trộm cắp xe mô tô và T1 không mua xe mô tô 76C1 – 528.35 nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Đỗ Hữu S là người cho bị cáo Ké mượn địa điểm, dụng cụ sửa xe để tháo rời và thay đổi kết cấu xe mô tô Exciter, màu sơn Xanh – Xám – Đen, gắn biển số 76C1 – 642.46 và để xe này tại nơi ở của S, sau khi Ké trộm cắp của anh Quảng Trọng H. Kết quả điều tra xác định: Khi mượn cho K mượn địa điểm, dụng cụ sửa xe để tháo rời và thay đổi kết cấu xe mô tô Exciter, màu sơn Xanh – Xám – Đen, gắn biển số 76C1 – 642.46 và để xe này tại nơi ở của S thì S không biết đây là xe trộm cắp nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Thanh D1 là người đi cùng xe với K và N đến biển Khe 2, rồi D1 là người điều khiển xe quay về để K và Nhất ở khu vực biển khe 2 sau đó K và N trộm cắp xe Sirius, màu sơn Trắng – Xanh, biển số 76C1 – 155.70 của Lê Văn B1. Kết quả điều tra ban đầu xác định: Sau khi chở K và N đến biển khe 2, K và Nhất đi

đạo còn D1 quay về, việc K và N trộm cắp tài sản sau đó D1 không biết nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong giai đoạn điều tra bổ sung, Nguyễn Thanh D1 đang bị Công an huyện S, tỉnh Quảng Ngãi truy nã về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B sẽ tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau khi bắt được Nguyễn Thanh D1.

Hai bị cáo và bị hại Nguyễn Hồng K1 thống nhất với nội dung luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận. Hai bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, hai bị hại, tất cả những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và một số người làm chứng vắng mặt, tuy nhiên những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra, đã vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vụ án vắng mặt bị hại, người làm chứng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nêu trên.

[3] Về lý lịch của bị cáo Tiêu N: Lý lịch của bị cáo Tiêu N trong vụ án này thể hiện Tiêu Nhất sinh ngày 04-3-1984. Tuy nhiên, tại Bản án số 44/2006/HSST ngày 31-5-2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt Tiêu N 5 năm tù về tội Cố ý gây thương tích lại xác định Tiêu N sinh ngày 14-3-1984. Ngày 07-8-2024 Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ Tiêu Nhất trong vụ án trộm cắp tài sản này có phải là Tiêu N bị xét xử theo Bản án số 44/2006/HSST ngày 31-5-2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 12-9-2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B trưng cầu giám định đường vân in trong danh, chỉ bản số 798 lập ngày 16-01-2005 khi thực hiện hành vi Cố ý gây thương tích, đường vân in trong danh, chỉ bản số 02 lập ngày 05-11-2009 khi thực hiện hành vi Cướp tài sản và tờ khai chứng minh nhân dân với đường vân in trong danh, chỉ bản số 29 lập ngày 17-6-2024 về hành vi Trộm cắp tài sản. Theo Kết luận giám định số 948/KL-KTHS ngày 23-9-2024 của Phòng K3 Công an tỉnh Q kết luận: Dấu vân tay in trên bản sao danh chỉ bản số 798 và số 02, bản sao chỉ bản, tờ khai CMND số 212185293 và danh chỉ bản số 29 do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B gửi đến trưng cầu giám định là do của cùng một người in ra. Do đó, có căn cứ xác định Tiêu Nhất sinh ngày 04-3-1984 bị khởi tố, truy tố về tội Trộm cắp tài sản trong vụ án này với Tiêu N sinh ngày 14-3-1984 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 05 năm tù về tội Cố ý gây thương tích theo Bản án số 44/2006/HSST ngày 31-5-2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi là cùng một người.

[4] Về tội danh:

[4.1] Bị cáo Tiêu N cho rằng ngày 14/7/2023 bị cáo và K có đi cùng 1 xe với Nguyễn Thanh D1 đến biển Khe Hai tại xã B để tắm biển, trước khi K trộm cắp xe tại đây thì bị cáo và K không có bàn bạc việc trộm cắp tài sản, khi K bẻ khóa xe để trộm cắp thì bị cáo không nhìn thấy, nhưng bị cáo N vẫn xác định ngày 14/7/2023 khi D1 điều khiển xe quay về thì bị cáo có đi bộ cùng K xuống biển K, xã B, sau đó K gọi bị cáo lên xe Sirius, màu sơn T5 – Xanh để K chở về phòng trọ của bị cáo tại xã T, huyện S và K để xe này tại phòng trọ của bị cáo. Đồng thời, bị cáo Nhất thống nhất với nội dung cáo trạng, lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát và cho rằng việc truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng với hành vi phạm tội của bị cáo, không oan.

[4.2] Hội đồng xét xử xét thấy: Tiêu Nhất có mối quan hệ thân thiết với Lê Xuân K, cả hai từng cùng thực hiện nhiều vụ trộm cắp xe mô tô đã bị Tòa án xét xử, ngày 14/7/2023 Tiêu N cùng với Lê Xuân K sử dụng xe mô tô biển số 92N1 – 204.68 là xe mà K và Nhất cùng trộm cắp trước đó tại huyện N, tỉnh Quảng Nam để đến biển K, xã B rồi Nguyễn Thanh D1 điều khiển xe về còn để hai bị cáo đi bộ xuống biển K. Đồng thời, Lê Xuân K khai: “Tiêu Nhất đứng lảng vảng cách K khoảng gần 10 mét, khi Lê Xuân K bẻ khóa xe mô tô thì có Tiêu N đứng ngay bên cạnh, chứng kiến thấy việc Lê Xuân K bẻ khóa, lấy trộm xe này”, “Tại nhà trọ Tiêu Nhất thuê ở xã T thì Lê Xuân K chà số khung, số máy và tháo bỏ biển số thì Tiêu N có mặt tại đây, thấy và biết việc làm của Lê Xuân K”. Do đó, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 14/7/2023 hai bị cáo đến biển K, xã B là nhằm mục đích tìm kiếm xe mô tô của những người dân đi tắm biển để trên bãi biển để trộm cắp, bị cáo N có mặt tại hiện trường, đi lảng vảng gần chỗ bị cáo K lấy trộm xe là để cảnh giới cho K, khi thấy K bẻ được khóa, khởi động được xe thì N liền ngồi lên xe để K điều khiển xe tẩu thoát và đi về nhà trọ của N tại xã T, huyện S và giá trị tài sản mà K và N trộm cắp lần này là **9.000.000 đồng** nên hành vi của Tiêu N có đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự với vai trò đồng phạm. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[4.3] Bị cáo Lê Xuân K khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 30-6-2023 đến 14-7-2023 Lê Xuân K đã 3 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản trộm cắp 61.600.000 đồng, các lần trộm cắp tài sản đều có giá trị trên 2.000.000 đồng. Đồng thời, theo Bản án số 98/2023/HS-ST ngày 13-12-2023 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xác định ngày 16-7-2023 bị cáo K trộm cắp điện thoại di động và máy tính xách tay 2.200.000 đồng nên đã xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và theo Bản án số 56/2024/HS-ST ngày 09-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xác định: Ngày 16-6-2023 Lê Xuân K trộm cắp xe mô tô 76M1-13141 tại thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam trị giá 7.000.000 đồng và ngày 03-7-2023

K trộm cắp xe mô tô 92N1-20263 tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam trị giá 24.000.000 đồng nên đã xử phạt K 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng phạm tội 2 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Như vậy từ ngày 16/6/2023 đến ngày 16/7/2023 bị cáo Lê Xuân K thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện B, tỉnh Quảng Ngãi và huyện N, tỉnh Quảng Nam, riêng 3 vụ trộm cắp ở địa bàn huyện B tổng giá trị tài sản là **61.600.000** đồng, đồng thời bị cáo K không có nghề nghiệp, lấy tài sản trộm cắp làm nguồn sống chính nên hành vi phạm tội của bị cáo lần này là thuộc trường hợp có tính chất chuyên nghiệp. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo điểm b, c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[5] Hai bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài, sinh sống hai bị cáo vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của cá nhân, tổ chức và làm mất trật tự trị an ở địa phương, nên cần xử lý để răn đe, giáo dục hai bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[6] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6.1.1] Đối với bị cáo K: Trong khoảng thời gian từ ngày 30-6-2023 đến 14-7-2023 Lê Xuân K đã 3 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản với tổng giá trị tài sản trộm cắp 61.600.000 đồng, các lần trộm cắp tài sản đều có giá trị trên 2.000.000 đồng. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp phạm 02 lần trở lên, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, đồng thời bị cáo có nhân thân xấu, đã 4 lần bị Tòa án xét xử trong đó có hai lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù về lại địa phương bị cáo vẫn liên tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, ngoài ra bị cáo còn đang bị Công an huyện S khởi tố về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” điều đó cho thấy bị cáo không có ý thức chấp hành pháp luật, xem thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[6.1.2] Đối với bị cáo N: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu, đã 4 lần bị Tòa án xét xử trong đó có hai lần bị xét xử về tội Trộm cắp tài sản và 1 lần bị xét xử về tội Cướp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù về lại địa phương bị cáo vẫn liên tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản điều đó cho thấy bị cáo xem thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị cáo khai báo không thành khẩn nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung tội phạm.

[6.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6.2.1] Đối với bị cáo K: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi trộm cắp tài sản; đã tác động gia đình nộp số tiền 2.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án huyện Bình Sơn để bồi thường khắc phục hậu

quả cho bị hại nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6.2.2] Đối với bị cáo N: Bị cáo khai báo không thành khẩn nên không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về xử lý vật chứng:

[7.1] Đối với 01 xe mô tô đã bị tháo rời phụ tùng xe, 01 biển số 76C1 – 632.26, một số phụ tùng các xe khác và một số đồ nghề là dụng cụ sửa xe thu giữ khi khám xét khẩn cấp nhà của Đỗ Hữu S, Cơ quan điều tra xác định:

[7.1.1] Xe mô tô và phụ tùng của xe thu giữ này chính là xe Exciter của Quảng Trọng H bị mất trộm ngày 12/7/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ cho Quảng Trọng H, ông H không còn yêu cầu gì liên quan đến xe này nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7.1.2] Biển số 76C1 – 632.26 qua tra cứu xác định chủ sở hữu xe mang biển số này là Huỳnh Thị P1, sinh năm 1973, trú tại thôn Đ, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi nhưng qua xác minh, Huỳnh Thị P1 cho biết vẫn đang quản lý, sử dụng xe này và chưa từng bị mất trộm xe, chưa từng bị mất biển số 76C1 – 632.26; qua điều tra, bị can Lê Xuân K khai đã đập dẹp 02 chữ số của biển số xe 76C1 – 642.46 tạo thành biển số 76C1 – 632.26 nhưng Phòng K3 không giám định được biển số 76C1 – 632.26. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục tạm giữ, xác minh và xử lý theo quy định pháp luật.

[7.1.3] Các phụ tùng các xe khác và một số đồ nghề là dụng cụ sửa xe là tài sản của Đỗ Hữu S, tuy Lê Xuân K đã sử dụng một số dụng cụ sửa xe để tháo rời xe Exciter trộm cắp được của Quảng Trọng H nhưng Đỗ Hữu S không biết đây là xe do Lê Xuân K trộm cắp. Cơ quan điều tra đã trả lại cho Đỗ Hữu S, ông S không còn yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7.2] Đối với 01 túi xách đựng 04 cần câu cá, 01 túi đựng giấy tờ của Quảng Trọng H, một mũ lưỡi trai màu trắng, một số giấy nhám đã qua sử dụng, một số mảnh kim loại hình chữ số, một бага xe thu giữ khi khám xét khẩn cấp nhà của Lê Xuân K, Cơ quan điều tra xác định:

[7.2.1] Túi xách đựng cần câu là tài sản của Lê Nhân T2, Lê Xuân K mượn trước khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản ngày 12/7/2023 tại xã B và việc Lê Xuân K mang túi xách đựng cần câu này khi trộm cắp xe mô tô thì Lê Nhân T2 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho Lê Nhân T2, ông T2 không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7.2.2] Túi đựng giấy tờ của Quảng Trọng H, Cơ quan điều tra đã trả lại cho Quảng Trọng H, ông H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7.2.3] Mũ lưỡi trai màu trắng là tư trang của Lê Xuân K, K sử dụng khi thực hiện vụ trộm cắp tài sản ngày 14/7/2023 tại xã B; một số giấy nhám đã qua sử dụng và một số mảnh kim loại hình chữ số là công cụ, phương tiện Lê Xuân K chuẩn bị để

chà số khung, số máy xe trộm cắp; các mảnh kim loại hình số là để dán chồng lên các biển số xe của các xe trộm cắp được để thay đổi đặc điểm xe trộm cắp, các vật chứng này qua sử dụng đã cũ và 01 бага xe, là tài sản của Lê Xuân K, không liên quan đến các hành vi phạm tội, tuy nhiên tại phiên tòa Kế không yêu cầu nhận lại nên tịch thu tiêu hủy.

[7.3] Đối với Giấy đăng ký xe số 004128 do Công an thành phố Q cấp ngày 11/01/2012 cho xe biển số 76U1 – 047.02 được tạm giữ từ Trương Thị Hồng N1, Cơ quan điều tra xác định: Đây là giấy thật. Kết quả tra cứu xác định xe 76U1 – 047.02 là của Lê Thành L2, sinh năm 1966, trú tại phường T, thành phố Q nhưng qua xác minh xác định Lê Thành L2 đã chết, bà Hà Thị L là vợ của Lê Thành L2 xác định gia đình vẫn đang quản lý, sử dụng xe mô tô 76U1 – 047.02 và chưa từng bị mất xe, chưa từng bị mất biển số 76U1 – 047.02 nhưng đã từng bị mất Giấy đăng ký xe 76U1 – 047.02. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra đã trả lại Giấy đăng ký xe này cho bà Hà Thị L, bà L không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7.4] Đối với xe mô tô gắn biển số 76U1 – 047.02 được tạm giữ do Trương Thị Hồng N1 giao nộp, Cơ quan điều tra xác định:

[7.4.1] Xe mô tô thu giữ từ Trương Thị Hồng N1 là của Lê Văn B1 bị mất trộm ngày 14/7/2023, Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho Lê Văn B1, ông B1 không còn yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[7.4.2] Biển số 76U1 – 047.02 gắn trên xe mô tô thu giữ từ Trương Thị Hồng N1, qua xác minh, bà Hà Thị L xác định đang quản lý, sử dụng và chưa từng bị mất biển số 76U1 – 047.02 nhưng Phòng K3 không giám định được biển số 76U1 – 047.02. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục tạm giữ, xác minh để xử lý theo quy định pháp luật.

[7.5] Đối với xe mô tô có số khung 5SD2-18405 và số máy 5SD2-18405, gắn biển số 76V2 – 5336 Công an xã B phát hiện, tạm giữ tại biển L: Cơ quan điều tra xác định: Đây là xe do Lê Xuân K mượn của Đỗ Hữu S từ trước rồi sử dụng làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản ngày 30/6/2023 tại thôn L, xã B; Đỗ Hữu S khai xe này được S mua lại từ lâu nhưng không sang tên nên thuộc sở hữu của Đỗ Hữu S, việc Lê Xuân K sử dụng xe này vào việc trộm cắp thì Đỗ Hữu S không biết. Kết quả giám định, kết luận số khung, số máy của xe này là chữ số nguyên thủy của xe; qua tra cứu xác định, chủ sở hữu là Trương Thị Lệ H1, trú tại thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Ngãi. Trương Thị Lệ H1 khai đã bán xe này từ lâu nhưng không sang tên, không nhớ người mua là ai. Qua kiểm tra dữ liệu xe vật chứng thì không thuộc diện truy tìm hay vật chứng của vụ án, nguồn tin nào khác, nên trả lại cho Đỗ Hữu S.

[7.6] Đối với xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu xám lông chuột, gắn biển số 92MĐ1 – 503.59 được tạm giữ từ T: Cơ quan điều tra xác định: Qua giám định kết luận: số khung, số máy bị tẩy xóa và qua giám định không hiện lại được số máy nguyên thủy của xe. Lê Xuân K thì xác định đây không phải xe Kế đã lấy trộm ngày 30/6/2023 tại biển Lệ Thủy rồi bán cho T1 và Nguyễn Hồng K1 cũng xác định đây không phải xe của K1 bị mất trộm ngày 30/6/2023 như đã khai báo. Kết quả tra cứu

xác định, biển số 92MĐ1 – 503.59 là cấp cho xe máy điện, có chủ sở hữu là Nguyễn Minh T3, Nguyễn Minh T3 khai đã bán xe này từ lâu nhưng không sang tên, không nhớ người mua là ai. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục tạm giữ xe cùng biển số này, để tiếp tục xác minh và xử lý theo quy định pháp luật.

[7.7] Đối với xe mô tô loại Yamaha, loại Exciter, màu sơn Xanh, gắn biển số 92N1 – 204.68 do Lê Xuân K bỏ lại rừng keo ở xã B được Công an xã B phát hiện, tạm giữ bàn giao và xe mô tô hiệu yamaha, loại Sirius, màu sơn Đen, gắn biển số 76AB – 005.09 do Công an huyện S bàn giao. Cơ quan điều tra xác định: Các xe này là tang vật trong các vụ trộm cắp tài sản xảy ra trên địa bàn huyện N, tỉnh Quảng Nam nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện đã bàn giao cho Công an huyện N, tỉnh Quảng Nam để xử lý theo thẩm quyền.

[7.8] Đối với dây sạc điện thoại Lê Xuân K sử dụng cột các xe để ở gần xe Q, Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm được và đối với đoàn Lê Xuân K sử dụng để bẻ khóa trộm cắp xe 76C1 – 155.70 và xe 76C1 – 528.35 Lê Xuân K không xác định được vứt bỏ ở đâu nên không có căn cứ để truy tìm.

[7.9] Đối với biển số xe 76C1 – 155.70 của Lê Văn B1 bị Lê Xuân K tháo ra gỡ bỏ nhưng không xác định được vứt bỏ ở đâu và đối với xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu sơn Cam – Đen, biển số 76C1 – 528.35 của Nguyễn Hồng K1 bị Lê Xuân K trộm cắp, Lê Xuân K khai bán cho Trần Quốc T1 nhưng T1 khai không mua xe Sirius, màu sơn C – Đen, biển số 76C1 – 528.35 từ K nên Cơ quan cảnh sát điều tra không thu hồi được.

[7.10] Đối với số tiền 2.000.000 đồng bị cáo K tác động gia đình nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn để khắc phục hậu quả, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

[8.1] Đối với bị hại Lê Văn B1 và Quảng Trọng H đã nhận lại tài sản và không còn yêu cầu gì về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[8.2] Đối với bị hại Nguyễn Hồng K1, tài sản K trộm cắp của ông K1 là xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu cam – đen, số máy E3X9E542476, số khung 3240JY202019, gắn biển số 76C1 – 528.35 nhưng không thu hồi được nên ông K1 yêu cầu Lê Xuân K bồi thường cho ông K1 giá trị tài sản K đã trộm cắp theo kết luận của Hội đồng định giá là 18.400.000 đồng, là có căn cứ nên chấp nhận, buộc bị cáo K phải bồi thường giá trị tài sản bị mất cho bị hại K1 là 18.400.000 đồng. Tuy nhiên trong giai đoạn điều tra bị cáo K đã tác động gia đình nộp số tiền 2.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại nên buộc bị cáo K phải bồi thường tiếp số tiền 16.400.000 đồng.

[9] Các đối tượng có liên quan:

[9.1] Đối với Trương Thị Hồng N1 là người mượn xe sirius, màu sơn Trắng – Xanh, biển số 76C1 – 155.70 mà K và Nhất trộm của ông Lê Văn B1 và đối với Trần Quốc T1 là người mà K khai đã bán Sirius, màu sơn Cam – Đen, biển số 76C1 –

528.35 mà Ké trộm của Nguyễn Hồng K1: Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định: Khi mượn xe Như không biết đây là xe trộm cắp, T1 không biết K trộm cắp xe mô tô và T1 không mua xe mô tô 76C1 – 528.35 nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với N1 và T1.

[9.2] Đối với Đỗ Hữu S là người cho bị cáo K mượn đại điểm, dụng cụ sửa xe để tháo rời và thay đổi kết cấu xe mô tô Exciter, màu sơn Xanh – Xám – Đen, gắn biển số 76C1 – 642.46 và để xe này tại nơi ở của S, sau khi Ké trộm cắp của anh Quảng Trọng H: Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định: Khi S cho K mượn địa điểm, dụng cụ sửa xe để tháo rời và thay đổi kết cấu xe mô tô Exciter, màu sơn Xanh – Xám – Đen, gắn biển số 76C1 – 642.46 và để xe này tại nơi ở của S thì S không biết đây là xe trộm cắp nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[9.3] Đối với Nguyễn Thanh D1 là người đi cùng xe với K và N đến biển Khe 2, rồi D1 là người điều khiển xe quay về để K và Nhất ở khu vực biển khe 2 sau đó K và N trộm cắp sirius, màu sơn Trắng – Xanh, biển số 76C1 – 155.70 của Lê Văn B1. Kết quả điều tra ban đầu, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định: Sau khi chở K và N đến biển khe 2, K và Nhất đi dạo còn D1 quay về, việc K và N trộm cắp tài sản sau đó D1 không biết nên không truy cứu trách nhiệm hình sự. Trong giai đoạn điều tra bổ sung, Nguyễn Thanh D1 đang bị Công an huyện S, tỉnh Quảng Ngãi truy nã về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” chưa bắt được nên đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B tiếp tục điều tra làm rõ hành vi của Nguyễn Thanh D1 để xử lý theo quy định pháp luật sau khi bắt được Nguyễn Thanh D1.

[9.4] Đối với các đối tượng có liên quan nêu trên, sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy, có dấu hiệu có đồng phạm khác hoặc có người khác thực hiện hành vi mà Bộ luật Hình sự quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố, nên ngày 07-8-2024 Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung làm rõ. Tuy nhiên, sau khi điều tra bổ sung, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát vẫn xác định: Hành vi của các đối tượng nêu trên không đồng phạm, không cấu thành tội phạm khác nên không khởi tố, truy tố, riêng đối với Nguyễn Thanh D1 thì đang bị Công an huyện S, tỉnh Quảng Ngãi truy nã về hành vi “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” chưa bắt được nên đề nghị để xử lý sau, do đó căn cứ theo Điều 298 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố.

[10] Về án phí: Hai bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền bị cáo còn phải bồi thường là 16.400.000 đồng.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ vào: Điểm b, c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Lê Xuân K phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Lê Xuân K 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ vào Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Tổng với hợp hình phạt 05 (năm) năm 09 (chín) tháng tù tại Bản án số 56/2024/HS-ST ngày 09-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam. Buộc bị cáo Lê Xuân K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 09 (chín) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 18-7-2023).

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Tiêu N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Xử phạt bị cáo Tiêu N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Căn cứ vào Điều 56 của Bộ luật Hình sự. Tổng với hợp hình phạt 03 (ba) năm tù tại Bản án số 56/2024/HS-ST ngày 09-8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam và hình phạt 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù tại Bản án số 98/2024/HS-ST ngày 11-7-2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi. Buộc bị cáo Tiêu N phải chấp hành hình phạt chung của ba bản án là 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 30-8-2023 - theo Bản án số 98/2024/HS-ST ngày 11-7-2024 của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi).

2. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào: Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy các vật chứng gồm:

- + 01 (một) mũ lưỡi trai màu trắng có dòng ký hiệu Y15ZR đã qua sử dụng.
- + 01 (một) ba ga giữa xe màu đen.
- + 01 (một) mảnh giấy nhám XA177 đã qua sử dụng.
- + 02 (hai) mảnh giấy nhám AA150 đã qua sử dụng.
- + 01 (một) mảnh giấy nhám AA120 đã qua sử dụng.
- + 01 (một) mảnh giấy nhám B240.
- + 02 (hai) mảnh giấy nhám B240 đã qua sử dụng có dính sơn đen.
- + 04 (bốn) mảnh kim loại có hình số và chữ là: 6, 8, 2, K đều có cùng kích thước (2,5x5,5) cm.
- + 01 (một) mảnh kim loại có hình số 7 có kích thước (2,5x5,7) cm.

- Trả lại cho Đỗ Hữu S 01 (một) xe mô tô hiệu yamaha, loại jupiter, màu sơn đỏ, có số khung 5SD2-18405 và số máy 5SD2-18405, gắn biển số 76V2 – 5336.

(Các vật chứng nêu trên có đặc điểm cụ thể theo biên bản giao nhận vật chứng

lập ngày 04-11-2024 giữa Công an huyện B và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn).

- Tiếp tục tạm giữ số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) bị cáo Lê Xuân K nộp khắc phục hậu quả theo Biên lai thu tiền số 0002629 ngày 01-8-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ vào Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 579 và Điều 580 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lê Xuân K phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Hồng K1 giá trị xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu cam – đen, số máy E3X9E542476, số khung 3240JY202019, gắn biển số 76C1 – 528.35 là 18.400.000 đồng. Tuy nhiên trong giai đoạn điều tra bị cáo Lê Xuân K đã tác động gia đình nộp số tiền 2.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại nên buộc bị cáo Lê Xuân K còn phải bồi thường tiếp cho bị hại Nguyễn Hồng K1 số tiền 16.400.000 đồng (Mười sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng).

4. Về án phí:

Căn cứ vào: Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

T6 buộc bị cáo Tiêu N phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

T6 buộc bị cáo Lê Xuân K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm và 820.000 đồng (tám trăm hai mươi nghìn) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào: Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên bố bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- CA huyện Bình Sơn (ĐT+ LT);
- Nhà tạm giữ CA h. Tư Nghĩa và Trà Bồng;
- UBND xã B1 và xã B2;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Trung Linh

Mẫu số 27-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:...../.....⁽²⁾/HS-ST

Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN.....⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:⁽⁵⁾

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)

Thẩm phán: Ông (Bà)

Các Hội thẩm nhân dân (quân nhân):

Ông (Bà)

Ông (Bà)

Ông (Bà)

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà).....⁽⁶⁾

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân⁽⁷⁾.....**tham gia phiên tòa:**

Ông (Bà)..... - Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....⁽⁸⁾ tại.....⁽⁹⁾

xét xử sơ thẩm công khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:.../.../TLST-HS

ngày...tháng...năm...theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:.../.../QĐXXST-HS
ngày...tháng...năm... đối với bị cáo (các bị cáo):

(11) sinh ngày.....tháng..... năm.....tại

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học
vấn).....; dân tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....; con
ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và.....con; (12)tiền án.....,tiền sự.....;
nhân thân.....; bị bắt, tạm giam ngày⁽¹³⁾

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:*⁽¹⁴⁾

Ông (Bà).....sinh năm (hoặc tuổi).....; nơi cư trú....., nghề
nghiệp..... là⁽¹⁵⁾

- *Người bào chữa cho bị cáo:*⁽¹⁶⁾...

.....
- *Bị hại:*⁽¹⁷⁾

.....
- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*⁽¹⁸⁾

.....
- *Nguyên đơn dân sự:*⁽¹⁹⁾

.....
- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:*⁽²⁰⁾

.....
- *Bị đơn dân sự:*⁽²¹⁾

.....
- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:*⁽²²⁾

.....
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*⁽²³⁾

.....
- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ
án:*⁽²⁴⁾...

.....
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại (nguyên đơn dân
sự,.....):*⁽²⁵⁾.....

.....
- *Người tham gia tố tụng khác:*⁽²⁶⁾.....

.....

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽²⁷⁾

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau: ⁽²⁸⁾

[1].....

.....

[2].....

.....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào⁽²⁹⁾.....

.....

(30) ...

...

(31) ...

.....

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gò thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án

nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ:

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn L3 (ví dụ: Ông Trần B2, Luật sư Văn phòng L4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh H2 bào chữa cho Nguyễn Văn C1); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội L5 bào chữa cho Nguyễn Văn D2); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)